

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 62 /NQ-HĐND

Nghệ An, ngày 07 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
Kế hoạch đầu tư công năm 2024

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ 17

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ các Công văn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: số 8542/BKHĐT-TH ngày 13 tháng 10 năm 2023 về việc dự kiến kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024 và số 8678/BKHĐT-TH ngày 19 tháng 10 năm 2023 về thông báo bổ sung dự kiến kế hoạch đầu tư vốn ngân sách địa phương năm 2024;

Xét Tờ trình số 10089/TTr-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, định hướng kế hoạch đầu tư công năm 2023.

1. Quan điểm, mục tiêu

a) Bám sát, cụ thể hóa các mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 và kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên, vừa bảo đảm thúc đẩy tăng trưởng, vừa bảo đảm an sinh xã hội và quốc phòng an ninh.

b) Tiếp tục cơ cấu lại đầu tư công theo hướng tập trung, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, kéo dài, nâng cao hiệu quả đầu tư. Thực hiện bố trí cho các nhiệm vụ, dự án phải phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân trong năm, phải bảo đảm tiến độ phân bổ, giao kế hoạch chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án

theo đúng quy định. Ưu tiên bố trí vốn để hoàn thành các dự án đã quá hạn, dự án đến hạn phải bố trí đủ vốn để hoàn thành trong năm theo thời gian bố trí vốn và dự án chuyển tiếp theo tiến độ. Phần đầu giảm thời gian thực hiện và bố trí vốn các dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C so với thời gian tối đa quy định tại Điều 52 Luật Đầu tư công, sớm đưa công trình vào sử dụng, phát huy hiệu quả đầu tư. Đối với các dự án mới trong kế hoạch trung hạn nhưng chưa khởi công, thực hiện rà soát, cân đối nguồn lực và khả năng hoàn thiện hồ sơ thủ tục để bố trí vốn khởi công mới bảo đảm hoàn thành kế hoạch trung hạn đúng tiến độ.

c) Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong đầu tư công, xử lý nghiêm các vi phạm theo quy định, phần đầu hoàn thành tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công đạt 95-100% trong năm 2024.

2. Định hướng đầu tư công năm 2024

a) Tập trung đầu tư các công trình trọng điểm, bức xúc có tính đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội để sớm hoàn thành đưa vào sử dụng, phát huy hiệu quả.

b) Bảo đảm đầu tư cho các ngành, lĩnh vực theo Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 và tối thiểu cho các huyện, thành, thị theo tiêu chí tính điểm quy định tại Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Nghệ An gắn với việc thẩm định, kiểm soát của các cơ quan chuyên môn để bảo đảm đúng đối tượng, nguyên tắc tiêu chí nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư công, giảm đầu tư dàn trải, chống thất thoát trong đầu tư.

c) Đối với nguồn thu sử dụng đất phần tỉnh hưởng đưa vào đầu tư công tập trung, ưu tiên bố trí các dự án trọng điểm, bức xúc thuộc lĩnh vực giao thông, thủy lợi, hạ tầng công cộng. Đối với phần thu sử dụng đất huyện, xã hưởng theo phân cấp do các huyện, xã phân bổ theo đúng nguyên tắc, tiêu chí quy định, trong đó ưu tiên bố trí vốn đối ứng các chương trình mục tiêu quốc gia, vốn đối ứng các dự án sử dụng ngân sách tỉnh, ngân sách Trung ương, trái phiếu chính phủ theo cơ cấu nguồn vốn đã được phê duyệt, các dự án thuộc lĩnh vực giáo dục đào tạo để bảo đảm cơ cấu Trung ương giao.

d) Đối với nguồn thu xổ số kiến thiết tập trung ưu tiên đầu tư cho lĩnh vực giáo dục, đào tạo và y tế công lập.

Điều 2. Nguồn vốn đầu tư

1. Tổng vốn ngân sách nhà nước năm 2024: 9.076,67 tỷ đồng, trong đó đưa vào đầu tư công tập trung phân tỉnh quản lý là 4.628,57 tỷ đồng.

2. Chi tiết theo từng nguồn vốn như sau:

a) Nguồn ngân sách Trung ương: 2.916,069 tỷ đồng. Trong đó:

- Vốn trong nước: 2.781,275 tỷ đồng, trong đó:

+ Đầu tư các dự án liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác: 768 tỷ đồng;

+ Bố trí hoàn trả vốn cho các dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội: 263,51 tỷ đồng;

+ Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia: 1.392,395 tỷ đồng (bao gồm: (i) Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 799,147 tỷ đồng; (ii) Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 247,343 tỷ đồng; (iii) Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới: 345,905 tỷ đồng;

+ Phần còn lại đầu tư cho các ngành, lĩnh vực theo Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: 357,37 tỷ đồng.

- Vốn nước ngoài: 134,794 tỷ đồng. Trong đó vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới: 96,824 tỷ đồng.

b) Nguồn ngân sách địa phương: 6.160,601 tỷ đồng. Trong đó:

- Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước: 1.329,501 tỷ đồng.

- Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 4.560 tỷ đồng, trong đó:

+ Ngân sách cấp huyện, xã hưởng theo phân cấp: 2.845,054 tỷ đồng;

+ Ngân sách tỉnh hưởng: 1.714,946 tỷ đồng, trong đó đưa vào đầu tư công tập trung nguồn thu sử dụng đất: 255 tỷ đồng, bổ sung đầu tư công tập trung nguồn chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước: 100 tỷ đồng, phần vốn còn lại 1.359,946 tỷ đồng bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước để giải phóng mặt bằng, trả nợ vay, bổ sung quỹ phát triển đất...

- Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 28 tỷ đồng.

- Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương: 243,1 tỷ đồng, được giao trong dự toán ngân sách nhà nước năm 2024.

Như vậy, nguồn ngân sách địa phương đưa vào đầu tư công tập trung 1.712,501 tỷ đồng (6.160,601- 243,1- 4.560 +255+100).

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ

1. Nguyên tắc chung

a) Xây dựng kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2024 cho các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và các dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội phải bảo đảm nguyên tắc, tiêu chí quy định tại Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021, số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 và số 93/2023/QH15 ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội; Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Nghệ An.

b) Xây dựng kế hoạch đầu tư phải phù hợp với các quy định của pháp luật và khả năng cân đối của ngân sách nhà nước trong năm; phù hợp với phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025.

c) Việc xây dựng kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2024 cho các nhiệm vụ, dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội phải phù hợp với khả năng thực hiện, giải ngân của từng dự án trong năm 2024, bảo đảm có thể phân bổ, giao chi tiết cho nhiệm vụ, dự án trước ngày 31 tháng 12 năm 2023, khắc phục triệt để tình trạng chậm phân bổ, giao kế hoạch chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án.

d) Tập trung bố trí vốn để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ 03 Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; các dự án trọng điểm liên vùng, đường ven biển và các dự án quan trọng, bức xúc có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của các ngành, các cấp.

e) Theo cơ cấu nguồn vốn được duyệt, mức vốn bố trí cho từng dự án không vượt quá tổng mức đầu tư dự án trừ đi lũy kế dự kiến giải ngân vốn đến hết năm 2023 và không vượt quá kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 được giao cho dự án trừ đi số vốn đã giải ngân năm 2021, năm 2022 (bao gồm giải ngân vốn kéo dài hằng năm) và số vốn đã bố trí năm 2023.

f) Đối với các dự án hoàn thành, dự án quá hạn, dự án chuyển tiếp đến hạn phải bố trí đủ vốn để hoàn thành theo thời gian bố trí vốn sử dụng vốn ngân sách địa phương nhưng vướng mắc nên chưa bố trí hoặc bố trí chưa đủ vốn để kết thúc trong năm 2023, cho phép tiếp tục bố trí vốn trong năm 2024 theo Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh (bao gồm cả các dự án quá hạn, đến hạn đã bố trí đủ vốn để hoàn thành năm

2023 nhưng trong năm không giải ngân hết đã điều chuyển vốn cho dự án khác).

2. Thứ tự ưu tiên phân bổ vốn

a) Bố trí đủ vốn để hoàn trả cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; đủ vốn cho 03 Chương trình mục tiêu quốc gia và dự án đường ven biển theo số vốn được Trung ương giao.

b) Bố trí đủ vốn cho dự án đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31 tháng 12 năm 2023; dự án chuyển tiếp quá hạn, dự án chuyển tiếp phải hoàn thành trong năm 2024 theo thời gian bố trí vốn; trường hợp không bố trí đủ vốn báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép kéo dài thời gian bố trí vốn sang năm sau theo quy định tại khoản 2 Điều 52 Luật Đầu tư công.

c) Bố trí vốn cho nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, quy hoạch, vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài. Đối với vốn chuẩn bị đầu tư các dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030, giao các sở, ban, ngành, ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị ưu tiên bố trí vốn ngân sách nhà nước hoặc huy động các nguồn vốn hợp pháp khác như tăng thu, tiết kiệm chi, vốn tài trợ, nguồn xã hội hóa... để chủ động cho công tác chuẩn bị đầu tư có chất lượng và hiệu quả.

d) Bố trí vốn theo tiến độ cho các dự án trọng điểm, liên vùng của địa phương, các dự án chuyển tiếp theo tiến độ được phê duyệt.

e) Sau khi bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ nêu trên (theo khả năng thực hiện và giải ngân), số vốn còn lại bố trí cho các dự án khởi công mới đủ thủ tục đầu tư. Trường hợp chưa kịp hoàn thiện thủ tục đầu tư, giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các đơn vị hoàn thiện thủ tục đầu tư và phân bổ chi tiết kế hoạch vốn cho các dự án trước ngày 31 tháng 12 năm 2023.

f) Đối với vốn ODA: Việc bố trí kế hoạch phải theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý nợ công và các Nghị định hướng dẫn thi hành. Đồng thời phải phù hợp với nội dung của Hiệp định, bảo đảm tiến độ và các cam kết khác đã ký với nhà tài trợ, khả năng cân đối nguồn vốn đối ứng, năng lực của chủ đầu tư chương trình, dự án và tiến độ thực hiện dự án, bảo đảm thứ tự ưu tiên như sau:

- Bố trí đủ vốn cho dự án kết thúc Hiệp định trong năm 2024, dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2024;

- Bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp theo tiến độ được duyệt;

- Bố trí vốn theo tiến độ được duyệt và khả năng giải ngân cho dự án mới đã ký Hiệp định.

3. Đối với các dự án hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trước 31 tháng 12 năm 2023, dự án chuyển tiếp đến nay đã quá thời gian bố trí vốn theo quy

định, dự án chuyển tiếp phải hoàn thành năm 2024 theo thời gian bố trí vốn sử dụng vốn ngân sách địa phương nhưng vướng mắc nên chưa bố trí hoặc bố trí chưa đủ vốn để kết thúc trong năm 2024, cho phép tiếp tục kéo dài thời gian bố trí vốn sang năm sau.

Điều 4. Phương án phân bổ

(Chi tiết tại các biểu số 1,2,3 kèm theo)

Điều 5. Cho phép kéo dài thời gian bố trí vốn sang giai đoạn 2021 - 2025 đối với các dự án (được bố trí kế hoạch 2021 - 2025 tại Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh) đã quá hạn thời gian bố trí vốn theo quy định tại khoản 2 Điều 52 Luật Đầu tư công.

(Chi tiết tại biểu số 4 kèm theo)

Điều 6. Một số giải pháp triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2024.

1. Tiếp tục rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền hoàn thiện cơ chế, chính sách, quy định của pháp luật liên quan đến đầu tư công, đất đai, xây dựng để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và nâng cao hiệu quả đầu tư.

2. Triển khai quyết liệt ngay từ đầu năm các giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công năm 2024

a) Khẩn trương phân bổ và giao chi tiết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024 ngay sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, bảo đảm các nguyên tắc, thứ tự ưu tiên bố trí vốn quy định tại Luật Đầu tư công, các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về dự toán ngân sách nhà nước năm 2024...

b) Duy trì hoạt động của tổ công tác cấp tỉnh và cấp phòng để kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc một cách kịp thời.

c) Triển khai cho các chủ đầu tư xây dựng kế hoạch giải ngân theo từng tháng, quý cho từng nhiệm vụ, dự án; Phân công Lãnh đạo chịu trách nhiệm theo dõi tiến độ thực hiện và giải ngân của từng nhiệm vụ, dự án theo kế hoạch đã đặt ra, đôn đốc, kịp thời tháo gỡ khó khăn cho từng dự án; Kết quả giải ngân của từng dự án được phân công theo dõi là căn cứ để đánh giá, bình xét thi đua của các cấp, các ngành và mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2024 của người đứng đầu.

d) Về công tác giải phóng mặt bằng: (i) Tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai, tập trung làm tốt công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; (ii) Tăng cường tuyên truyền, vận động Nhân dân, phát huy vai trò của các cấp ủy, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội... tham gia vào công tác dân vận để có sự đồng thuận lớn trong việc bồi thường giải phóng mặt bằng; (iii) Các địa phương phối hợp chặt chẽ với các chủ đầu tư trong công tác giải phóng mặt bằng, bảo đảm có mặt bằng sạch để triển khai thi công dự án.

c) Về công tác nghiệm thu, thanh toán: (i) Thực hiện các thủ tục thanh toán vốn đầu tư cho dự án ngay khi có khối lượng được nghiệm thu theo quy định, không để dồn thanh toán vào cuối năm. (ii) Thực hiện khối lượng để hoàn trả tạm ứng theo đúng quy định; (iii) Đối với các dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng, phải khẩn trương hoàn thiện thủ tục phê duyệt quyết toán, khắc phục tình trạng chậm quyết toán theo quy định.

d) Đẩy mạnh cải cách hành chính trong xử lý hồ sơ thủ tục, tăng cường công tác tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ và hướng dẫn triển khai quy trình, thủ tục mới của các chương trình, dự án đến các ngành, địa phương. Đồng thời, chủ động rà soát các thủ tục, quy trình hướng dẫn thực hiện còn gặp vướng mắc để kịp thời đề xuất, kiến nghị với các Bộ, ngành Trung ương.

e) Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong giải ngân vốn đầu tư công; có chế tài xử lý nghiêm theo quy định pháp luật các chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, tổ chức, cá nhân cố tình gây khó khăn, cản trở, làm chậm tiến độ giao vốn, thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công.

3. Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị thực hiện dự án, đấu thầu, lựa chọn nhà thầu có đầy đủ năng lực, kinh nghiệm thực hiện dự án có chất lượng và hiệu quả.

Xác định công tác chuẩn bị đầu tư dự án có vai trò tiên quyết, tập trung làm tốt công tác chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị thực hiện dự án giúp nâng cao tính sẵn sàng và tính khả thi, khả năng triển khai thực hiện dự án, hạn chế các vướng mắc trong quá trình thực hiện, qua đó đẩy nhanh tiến độ phân bổ, giải ngân và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công.

Các chủ đầu tư nâng cao chất lượng công tác đấu thầu, lựa chọn nhà thầu tư vấn, xây lắp đủ năng lực, điều kiện để thực hiện dự án bảo đảm chất lượng và đúng tiến độ. Thực hiện nghiêm túc việc công khai thông tin trong đấu thầu theo đúng quy định tại Luật Đấu thầu; Nghiêm túc thực hiện lộ trình áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng; Xây dựng hồ sơ mời thầu bảo đảm chất lượng, không được đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng.

4. Huy động tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư

Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp để cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư và phát triển doanh nghiệp để huy động, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia thực hiện các dự án theo hình thức PPP để đầu tư kết cấu hạ tầng, các hình thức xã hội hóa đối với các dịch vụ công, đặc biệt trong lĩnh vực giao thông nông thôn, y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân, văn hóa, thể thao... Tập trung các giải

pháp thu, tạo nguồn thu bền vững cho ngân sách. Tăng cường quản lý thu tiền sử dụng đất, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu, hạn chế nợ đọng thuế.

Nâng cao chất lượng công tác quản lý đầu tư và xây dựng góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn vốn đầu tư. Tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, kéo dài.

5. Công khai, minh bạch thông tin và tăng cường giám sát, đánh giá, kiểm tra, thanh tra trong quá trình đầu tư công; chống tham nhũng, thất thoát, lãng phí trong đầu tư công. Trong đó, đặc biệt đề cao vai trò tham gia giám sát của cộng đồng dân cư trong các vùng ảnh hưởng của dự án, nâng cao trách nhiệm giải trình của chủ đầu tư và các bên liên quan đến dự án. Xử lý nghiêm những hành vi vi phạm pháp luật, tham nhũng, gây thất thoát, lãng phí trong đầu tư công.

6. Chuẩn bị xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 theo tiến độ của Trung ương bảo đảm có chất lượng và hiệu quả.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An Khoá XVIII, Kỳ họp thứ 17 thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (đề b/c);
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh, UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website: <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT





Thái Thanh Quý

Biểu 1: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC (CHƯA BAO GỒM ĐÓI ỨNG ODA) NĂM 2024

(Biểu kèm theo Nghị quyết số: 62 /NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	QĐ chủ trương đầu tư/QĐ phê duyệt dự án, điều chỉnh dự án/QĐ quyết toán		Kế hoạch năm 2024	Ghi chú	
			Nghị quyết (Quyết định) (điều chỉnh) chủ trương đầu tư/Quyết định dự án	TMĐT			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: NSTW
	Tổng số			9.209.254	6.967.518	1.388.180	
A	Các dự án thuộc Chương trình phục hồi phát triển kinh tế - xã hội			548.000	548.000	263.510	
	Dự án thuộc lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp			70.000	70.000	9.310	
1	Dự án Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghiệp Việt Nam - Hàn Quốc	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghiệp Việt Nam - Hàn Quốc	11/NQ-HĐND ngày 24/6/2022; 3072/QĐ-UBND ngày 7/10/2022	70.000	70.000	9.310	
	Dự án thuộc lĩnh vực y tế			478.000	478.000	254.200	
1	Dự án đầu tư xây mới, nâng cấp, cải tạo 08 Bệnh viện đa khoa, Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Nghệ An	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	35/NQ-HĐND ngày 25/8/2022; 4462/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	186.000	186.000	55.800	
2	Dự án đầu tư mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm kiểm soát bệnh tật (CDC) tỉnh Nghệ An	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	35/NQ-HĐND ngày 25/8/2022; 4461/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	55.000	55.000	37.000	
3	Dự án đầu tư mua sắm trang thiết bị cho 28 Bệnh viện đa khoa, Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Nghệ An	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	35/NQ-HĐND ngày 25/8/2022; 4460/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	237.000	237.000	161.400	
B	Đầu tư các dự án trọng điểm, dự án có tính liên kết vùng, đường ven biển			5.910.000	4.200.000	768.000	
	Dự án chuyển tiếp			5.910.000	4.200.000	768.000	
1	Dự án đường ven biển từ Nghi Sơn (Thanh Hóa) - Cửa Lò (Nghệ An) - đoạn từ Km7 - Km76	Sở Giao thông vận tải	10/NQ-HĐND ngày 15/4/2021; 2925/QĐ-UBND ngày 13/8/2021	4.651.000	3.200.000	668.000	



TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	QĐ chủ trương đầu tư/QĐ phê duyệt dự án, điều chỉnh dự án/QĐ quyết toán		Kế hoạch năm 2024	Ghi chú	
			Nghị quyết (Quyết định) (điều chỉnh) chủ trương đầu tư/Quyết định dự án	TMĐT			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: NSTW
2	Xây dựng Bệnh viện Ung Bướu Nghệ An (giai đoạn 2)	Bệnh viện Ung bướu Nghệ An	09/NQ-HĐND ngày 15/4/2021; 4035/QĐ-UBND ngày 29/10/2021; 17/NQ-HĐND ngày 5/5/2023; 2973/QĐ-UBND ngày 20/9/2023	1.259.000	1.000.000	100.000	
C	Đầu tư cho các ngành, lĩnh vực theo Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14			2.751.254	2.219.518	356.670	
I	Quốc phòng			170.000	170.000	31.318	
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024</i>			<i>170.000</i>	<i>170.000</i>	<i>31.318</i>	
1	Đường giao thông phục vụ Quốc phòng - An ninh biên giới đoạn nối từ đường Mường Xén - Ta Đơ - Khe Kiền lên đường tuần tra biên giới, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Nghệ An	1284/QĐ-UBND-GT ngày 29/3/2016 PDDA, 1357 ngày 12/5/2021; 1778/QĐ-UBND ngày 23/6/2023 24/NQ-HĐND ngày 07/7/2023	90.000	90.000	22.500	
2	Nâng cấp, mở rộng hạ tầng giao thông các xã vùng CT229 huyện Quỳnh Châu (Châu Hội, Châu Thuận, Châu Bính, Châu Nga)	UBND huyện Quỳnh Châu	18/NQ-HĐND ngày 13/5/2021 4566/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	80.000	80.000	8.818	
II	Y tế, dân số và gia đình			145.000	116.000	73.691	
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024</i>			<i>145.000</i>	<i>116.000</i>	<i>73.691</i>	
1	Xây dựng Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An	Sở Y tế Nghệ An	108/QĐ-HĐND ngày 30/10/2015; 4663 ngày 26/9/2016; 19/NQ-HĐND ngày 13/5/2021; 3459/QĐ-UBND ngày 22/9/2021	145.000	116.000	73.691	
III	Các hoạt động kinh tế						
III.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản			449.000	580.347	48.600	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	QĐ chủ trương đầu tư/QĐ phê duyệt dự án, điều chỉnh dự án/QĐ quyết toán		Kế hoạch năm 2024	Ghi chú	
			Nghị quyết (Quyết định) (điều chỉnh) chủ trương đầu tư/Quyết định dự án	TMĐT			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: NSTW
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024			449.000	433.000	48.600	
1	Cải tạo, nâng cấp các hồ chứa nước, kênh tưới và hạ tầng sản xuất cánh đồng lớn, liên kết sản xuất lúa giống huyện Yên Thành	UBND huyện Yên Thành	18/NQ-HĐND ngày 13/5/2021; 38/NQ-HĐND ngày 25/8/2022; 3655/QĐ-UBND ngày 22/11/2022	94.000	92.000	10.000	
2	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thủy lợi các xã Diễn Đông, Diễn Liên, Diễn Xuân, Diễn Kỳ huyện Diễn Châu	UBND huyện Diễn Châu	18/NQ-HĐND ngày 13/5/2021; 4357/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	130.000	126.000	13.000	
3	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh tiêu Rào Trường, đoạn qua các xã Nghi Trung, Nghi Trường, Nghi Thịnh, Nghi Long và Nghi Xá huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	UBND huyện Nghi Lộc	18/NQ-HĐND ngày 13/5/2021; 3876/QĐ-UBND ngày 07/12/2022	80.000	75.000	13.600	
4	Nâng cấp, cải tạo hạ tầng khu nuôi trồng thủy sản thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An	UBND thị xã Hoàng Mai	1282/QĐ-UBND ngày 29/3/2016; 5282/QĐ-UBND ngày 28/10/2016; 4707/QĐ-UBND ngày 22/12/2020	65.000	60.000	2.000	
5	Sửa chữa, nâng cấp tuyến kênh tưới, tiêu Lê Xuân Đào, huyện Hưng Nguyên	UBND huyện Hưng Nguyên	90/QĐ-HĐND ngày 30/10/2015; 19/NQ-HĐND ngày 13/5/2021; 2709/QĐ-UBND ngày 02/8/2021	80.000	80.000	10.000	
III.2	Khu công nghiệp và khu kinh tế			250.000	250.000	45.026	
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024			250.000	250.000	45.026	
1	Kênh thoát nước dọc đường N5 Khu kinh tế Đông Nam	Ban quản lý Khu kinh tế Đông Nam	18/NQ-HĐND ngày 13/5/2021; 4110/QĐ-UBND ngày 02/11/2021	100.000	100.000	25.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	QĐ chủ trương đầu tư/QĐ phê duyệt dự án, điều chỉnh dự án/QĐ quyết toán		Kế hoạch năm 2024	Ghi chú	
			Nghị quyết (Quyết định) (điều chỉnh) chủ trương đầu tư/Quyết định dự án	TMĐT			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: NSTW
2	Cầu vượt đường sắt tại đường N2 - Khu Kinh tế Đông Nam	Ban quản lý Khu kinh tế Đông Nam	18/NQ-HĐND ngày 13/5/2021; 3873/QĐ-UBND ngày 20/10/2021	150.000	150.000	20.026	
III.3	Giao thông			1.293.254	808.171	99.426	
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024</i>			<i>1.293.254</i>	<i>808.171</i>	<i>99.426</i>	
1	Đường vào Khu công nghiệp Hưng Yên Nam, huyện Hưng Nguyên	UBND huyện Hưng Nguyên	18/NQ-HĐND ngày 13/5/2021; 4068/QĐ-UBND ngày 30/10/2021	80.000	80.000	20.000	
2	Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông Khuôn - Đại Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An	UBND huyện Đô Lương	94/QĐ-HĐND ngày 30/10/2015; 78/NQ-HĐND ngày 29/7/2016; 4767/QĐ-UBND ngày 01/10/2016; 1353/QĐ-UBND ngày 12/05/2021	80.000	51.000	5.000	
3	Tuyến đường tránh QL 1A đoạn Quỳnh Hậu - Quỳnh Hồng - Quỳnh Diễn- Quỳnh Giang, huyện Quỳnh Lưu	UBND huyện Quỳnh Lưu	18/NQ-HĐND ngày 13/5/2021; 4652/QĐ-UBND ngày 01/12/2021	200.000	100.000	5.000	
4	Cải tạo nâng cấp đường nối ĐT534B từ xã Tân An, huyện Tân Kỳ với ĐT534D tại xã Phú Sơn, huyện Tân Kỳ đi đường Hồ Chí Minh và đi Cây Chanh huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An	UBND huyện Tân Kỳ	18/NQ-HĐND ngày 13/5/2021; 27/NQ-HĐND ngày 14/7/2022; 24/NQ-HĐND ngày 07/7/2023; 4067/QĐ-UBND ngày 30/10/2021; 2690/QĐ-UBND ngày 07/9/2022	148.823	105.101	10.691	
5	Đường giao thông nối từ Quốc lộ 7C (Đô Lương) đến đường Hồ Chí Minh (Tân Kỳ)	Sở Giao thông vận tải	18/NQ-HĐND ngày 13/5/2021; 4687/QĐ-UBND ngày 02/12/2021	684.431	372.070	22.070	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	QĐ chủ trương đầu tư/QĐ phê duyệt dự án, điều chỉnh dự án/QĐ quyết toán			Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
			Nghị quyết (Quyết định) (điều chỉnh) chủ trương đầu tư/Quyết định dự án	TMĐT			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
6	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nối từ QL1A đến QL7A (tuyến đi qua các xã Diễn An, Diễn Lộc, Diễn Phú, Diễn Lợi và Minh Châu, huyện Diễn Châu)	UBND huyện Diễn Châu	18/NQ-HĐND ngày 13/5/2021	100.000	100.000	36.665	
III.4	Kho tàng			60.000	60.000	24.000	
	<i>Dự án khởi công mới</i>			<i>60.000</i>	<i>60.000</i>	<i>24.000</i>	
1	Kho lưu trữ chuyên dụng - Trụ sở Sở Nội vụ tỉnh Nghệ An	Sở Nội vụ	18/NQ-HĐND ngày 13/5/2021; 4305/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	60.000	60.000	24.000	
III.5	Du lịch			120.000	105.000	11.200	
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024</i>			<i>120.000</i>	<i>105.000</i>	<i>11.200</i>	
1	Nâng cấp tuyến đường du lịch từ QL7 đến khu du lịch thác Khe Kèm, huyện Con Cuông	UBND huyện Con Cuông	18/NQ-HĐND ngày 13/5/2021; 4042/QĐ-UBND ngày 29/10/2021; 27/NQ-HĐND ngày 14/7/2022; 2691/QĐ-UBND ngày 07/9/2022	120.000	105.000	11.200	
III.6	Công trình công cộng tại các đô thị			194.000	80.000	10.000	
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024</i>			<i>194.000</i>	<i>80.000</i>	<i>10.000</i>	
1	Xây dựng tuyến đường quy hoạch 18m nối Quốc Lộ 46 với Đại lộ Vinh - Cửa Lò, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	UBND Thành phố Vinh	18/NQ-HĐND ngày 13/5/2021; 4040/QĐ-UBND ngày 29/10/2021; 47/NQ-HĐND ngày 11/9/2023	194.000	80.000	10.000	
IV	Xã hội			70.000	50.000	13.409	
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024</i>			<i>70.000</i>	<i>50.000</i>	<i>13.409</i>	
1	Cơ sở Cai nghiện ma túy bắt buộc số III tỉnh Nghệ An	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	18/NQ-HĐND ngày 13/5/2021; 4531/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	70.000	50.000	13.409	

**Biểu 2: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2024 CHO CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN ODA
(BAO GỒM ĐỐI ỨNG NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ VỐN NƯỚC NGOÀI CẤP PHÁT TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG)**

(Biểu kèm theo Nghị quyết số: 62 /NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình, dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư							Kế hoạch năm 2024		Ghi chú
			Số quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMĐT					Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW	
					Trong đó:							
					Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định) quy đổi và tiền Việt					
	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó, cấp phát từ NSTW	Vay lại							
	TỔNG SỐ			1.099.929	210.692	116.333	889.237	694.927	131.906	700	37.970	
	Dự án không giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước			1.099.929	210.692	116.333	889.237	694.927	131.906	700	37.970	
a	Tài nguyên			272.980	43.276	25.966	229.704	162.046		700		
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>			272.980	43.276	25.966	229.704	162.046		700		
1	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện tại tỉnh Nghệ An	Sở Tài nguyên và Môi trường	1236/QĐ-BTNMT ngày 30/5/2016; 930/QĐ-TTg ngày 30/5/2016 2531/QĐ-BTNMT ngày 22/12/2021	272.980	43.276	25.966	229.704	162.046		700		
b	Công trình công cộng tại các đô thị			826.949	167.416	90.367	659.533	532.881	131.906		37.970	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>			826.949	167.416	90.367	659.533	532.881	131.906		37.970	
1	Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Hoàng Mai thuộc dự án "Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu 04 tỉnh ven biển Bắc Trung Bộ"	UBND thị xã Hoàng Mai	3097 ngày 15/9/2020	826.949	167.416	90.367	659.533	532.881	131.906		37.970	

Biểu 3: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Biểu kèm theo Nghị quyết số: 62 /NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch năm 2024	Ghi chú	
			Nghị quyết (Quyết định) (điều chỉnh) chủ trương đầu tư/Quyết định dự án	TMĐT/Tổng dự toán			
				Tổng số			Trong đó: ngân sách tỉnh
	Tổng cộng			18.521.432	9.035.158	1.712.501	
I	Quốc phòng			107.493	92.493	28.000	
<i>a</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>			62.643	62.643	12.000	
1	Đường giao thông từ bản Phà Khảo, xã Mai Sơn, huyện Tương Dương đến cột mốc 390	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Nghệ An	36/NQ-HĐND ngày 13/8/2021; 4772/QĐ-UBND ngày 08/12/2021; 24/NQ-HĐND ngày 07/7/2023	62.643	62.643	12.000	
<i>b</i>	<i>Dự án khởi công mới</i>			44.850	29.850	16.000	
1	Đường hầm Sờ chỉ huy trong Căn cứ chiến đấu huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	455/QĐ-UBND ngày 02/8/2023	29.900	14.900	8.000	
2	Chốt chiến đấu Dân quân Thường trực xã Nậm Căn, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	456/QĐ-UBND ngày 02/8/2023	14.950	14.950	8.000	
II	An ninh và trật tự, an toàn xã hội			99.500	99.500	33.900	
	<i>Dự án khởi công mới</i>			99.500	99.500	33.900	
1	Trụ sở làm việc Công an các xã trên địa bàn tỉnh Nghệ An (giai đoạn 1)	Công an tỉnh Nghệ An	23/NQ-HĐND ngày 07/7/2023	99.500	99.500	33.900	
III	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp			196.482	188.260	61.115	
<i>a</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>			168.482	160.260	49.541	
1	Xây dựng mới một số hạng mục Trường THPT Dân tộc nội trú tỉnh Nghệ An	Trường THPT DTNT tỉnh Nghệ An	2803/QĐ-UBND ngày 06/8/2021; 305/QĐ-UBND ngày 28/01/2022	14.990	14.990	2.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch năm 2024	Ghi chú	
			Nghị quyết (Quyết định) (điều chỉnh) chủ trương đầu tư/Quyết định dự án	TMDT/Tổng dự toán			
				Tổng số			Trong đó: ngân sách tỉnh
2	Xây dựng nhà học bộ môn và cải tạo, nâng cấp nhà học Trường THPT Mường Quạ	Trường THPT Mường Quạ	2753/QĐ-UBND ngày 4/8/2021; 4616/QĐ-UBND ngày 30/11/2021; 3232/QĐ-UBND ngày 19/10/2022	11.019	11.000	1.500	
3	Cải tạo nhà học 3 tầng và xây dựng một số hạng mục Trường THPT Thanh Chương 3	Trường THPT Thanh Chương 3	2780/QĐ-UBND ngày 05/8/2021; 4315 ngày 12/11/2021	7.498	6.550	3.550	
4	Nâng cấp, cải tạo và xây dựng một số hạng mục Trường PT Dân tộc nội trú THPT số 2 Nghệ An	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú THPT số 2 Nghệ An	3012/QĐ-UBND ngày 17/8/2021; 4328/QĐ-UBND ngày 12/11/2021; 877/QĐ-UBND ngày 06/4/2022	10.995	10.995	995	
5	Cải tạo, nâng cấp nhà học, xây mới nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Nghi Lộc 3, huyện Nghi Lộc	Trường THPT Nghi Lộc 3	2752/QĐ-UBND ngày 4/8/2021; 4615/QĐ-UBND ngày 30/11/2021; 04/QĐ-UBND ngày 03/1/2023; 730/QĐ-UBND ngày 21/3/2023	11.446	10.400	1.000	
6	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng một số hạng mục Trường THPT Tương Dương 2	Trường THPT Tương Dương 2	2813/QĐ-UBND ngày 06/8/2021; 4134 ngày 03/11/2021	11.500	11.500	1.324	
7	Cải tạo, nâng cấp nhà học và xây dựng nhà học 3 tầng Trường THPT Quỳnh Hợp 3	Trường THPT Quỳnh Hợp 3	2859/QĐ-UBND ngày 10/8/2021; 4518/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	12.430	12.000	1.500	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch năm 2024	Ghi chú	
			Nghị quyết (Quyết định) (điều chỉnh) chủ trương đầu tư/Quyết định dự án	TMĐT/Tổng dự toán			
				Tổng số			Trong đó: ngân sách tỉnh
8	Xây dựng công trình vệ sinh cho các trường học trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	3527/QĐ-UBND 28/9/2021; 4444/QĐ-UBND 19/11/2021	20.000	20.000	9.000	
9	Xây dựng Trường trung cấp nghề Kinh tế - Kỹ thuật Miền Tây Nghệ An (giai đoạn 2)	Sở Lao động, thương binh và xã hội	2757/QĐ-UBND ngày 4/8/2021; 4559/QĐ-UBND ngày 26/11/2021; 2520/QĐ-UBND ngày 23/8/2022; 2995/QĐ-UBND ngày 03/10/2022	25.000	25.000	3.547	
10	Xây dựng nhà học, các hạng mục phụ trợ Trường THPT Đô Lương 3	Trường THPT Đô Lương 3	2841/QĐ-UBND ngày 09/8/2021; 4018 ngày 29/10/2021; 725/QĐ-UBND ngày 22/03/2022	10.994	9.900	8.700	
11	Xây dựng nhà học và một số hạng mục Trường THPT Quỳnh Lưu 3	Trường THPT Quỳnh Lưu 3	2853/QĐ-UBND ngày 10/8/2021; 255/QĐ-UBND ngày 25/01/2022	8.744	8.550	6.550	
12	Xây dựng mới nhà học bộ môn, nâng cấp các hạng mục phụ trợ Trường THPT Hà Huy Tập	Trường trung học phổ thông Hà Huy Tập	2836/QĐ-UBND ngày 9/8/2021; 3959/QĐ-UBND ngày 27/10/2021; 898/QĐ-UBND ngày 4/4/2023; 1504/QĐ-UBND ngày 29/5/2023	13.870	10.500	4.000	
13	Xây dựng nhà hiệu bộ và cải tạo một số hạng mục Trường THPT Diễn Châu 4	Trường THPT Diễn Châu 4	2747/QĐ-UBND ngày 4/8/2021; 4584/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	9.995	8.875	5.875	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch năm 2024	Ghi chú	
			Nghị quyết (Quyết định) (Điều chỉnh) chủ trương đầu tư/Quyết định dự án	TMĐT/Tổng dự toán			
				Tổng số			Trong đó: ngân sách tỉnh
<i>b</i>	<i>Dự án khởi công mới</i>			28.000	28.000	11.574	
1	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới một số hạng mục Trường Chính trị tỉnh Nghệ An	Trường Chính trị tỉnh Nghệ An	2774/QĐ-UBND ngày 5/8/2021; 2468/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 3702/QĐ-UBND ngày 13/11/2023	28.000	28.000	11.574	
IV	Khoa học, công nghệ			50.000	45.000	7.000	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>			50.000	45.000	7.000	
1	Đầu tư nâng cao năng lực đo lường và thử nghiệm cho Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn đo lường chất lượng Nghệ An	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Nghệ An	36/NQ-HĐND ngày 13/8/2021; 4612/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	50.000	45.000	7.000	
V	Y tế, dân số và gia đình			1.719.405	544.075	99.049	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>			1.719.405	544.075	99.049	
1	Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải, rác thải các bệnh viện tỉnh Nghệ An sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Đức	Sở Y tế	6331 ngày 30/12/2015; 5367 ngày 25/12/2019; 1533/QĐ-TTg ngày 15/9/2021	52.881	8.885	1.000	Đối ứng ODA
2	Dự án tăng cường hệ thống y tế tuyến tỉnh, tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2023	Sở Y tế	4896 ngày 30/12/2020	100.877	11.190	1.000	Đối ứng ODA
3	Xây dựng cơ sở vật chất Bệnh viện đa khoa huyện Đô Lương	Bệnh viện đa khoa huyện Đô Lương	2742 ngày 04/8/2021; 4481/QĐ-UBND ngày 23/11/2021;	20.650	15.000	1.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch năm 2024	Ghi chú	
			Nghị quyết (Quyết định) (điều chỉnh) chủ trương đầu tư/Quyết định dự án	TMĐT/Tổng dự toán			
				Tổng số			Trong đó: ngân sách tỉnh
4	Xây dựng và cải tạo một số hạng mục bệnh viện đa khoa huyện Yên Thành	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Thành	2866 ngày 10/8/2021; 4030/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	20.000	20.000	8.649	
5	Xây dựng Bệnh viện Ung bướu Nghệ An (giai đoạn 2)	Bệnh viện Ung bướu Nghệ An	09/NQ-HĐND ngày 15/4/2021; 4035/QĐ-UBND ngày 29/10/2021; 17/NQ-HĐND ngày 5/5/2023; 2973/QĐ-UBND ngày 20/9/2023	1.259.000	259.000	30.000	
6	Xây dựng mới nhà khám bệnh và điều trị tổng hợp Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An	Bệnh viện Sản nhi Nghệ An	36/NQ-HĐND ngày 13/8/2021; 4043/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	253.000	220.000	50.000	
7	Xây dựng cơ sở vật chất Bệnh viện đa khoa huyện Thanh Chương	Bệnh viện đa khoa huyện Thanh Chương	2733 ngày 03/8/2021; 4031/QĐ-UBND ngày 29/10/2021; 1507/QĐ-UBND ngày 30/5/2023	12.997	10.000	7.400	
VI	Văn hóa, thông tin			210.524	166.524	44.480	
<i>a</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>			181.524	141.524	34.480	
1	Tu bổ, tôn tạo di tích nhà thờ và mộ Hồ Tùng Mậu	UBND huyện Quỳnh Lưu	3954 ngày 04/9/2015	17.524	17.524	1.000	
2	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Hoành Sơn tại xã Khánh Sơn	Sở Văn hóa và Thể thao	2781/QĐ-UBND 5/8/2021; 4243/QĐ-UBND 28/12/2022	24.000	24.000	8.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch năm 2024	Ghi chú	
			Nghị quyết (Quyết định) (điều chỉnh) chủ trương đầu tư/Quyết định dự án	TMĐT/Tổng dự toán			
				Tổng số			Trong đó: ngân sách tỉnh
3	Hỗ trợ xây dựng thiết chế văn hóa thể thao ở cơ sở (phân bổ sau)	Sở Văn hóa và Thể thao		34.000	34.000	9.480	Giao UBND tỉnh phân khai chi tiết
4	Tu bổ, tôn tạo Đình Đông Viên tại xã Trung Phúc Cường, huyện Nam Đàn	Sở Văn hóa và Thể thao	2842/QĐ-UBND ngày 9/8/2021; 4254/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	11.000	11.000	4.000	
5	Lâm viên Bàu Sen, thị xã Thái Hòa (giai đoạn 1)	UBND thị xã Thái Hòa	36/NQ-HĐND ngày 13/8/2021; 4607/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	50.000	30.000	5.000	
6	Nâng cấp bảo tàng văn hóa các dân tộc miền Tây Nghệ An tại huyện Quỳnh Châu	Sở Văn hóa và Thể thao	2793/QĐ-UBND ngày 5/8/2021	20.000	10.000	3.000	
7	Xây dựng cơ sở vật chất khu Trung tâm văn hóa thể thao và truyền thông huyện Tân Kỳ	UBND huyện Tân Kỳ	2877/QĐ-UBND ngày 10/8/2021; 2201/QĐ-UBND ngày 28/7/2022	25.000	15.000	4.000	
<i>b</i>	<i>Dự án khởi công mới</i>			29.000	25.000	10.000	
1	Xây dựng cơ sở vật chất khu hội trường văn hoá huyện Nghĩa Đàn	UBND huyện Nghĩa Đàn	2826/QĐ-UBND ngày 6/8/2021; 1504/QĐ-UBND ngày 02/6/2022	29.000	25.000	10.000	
VII	Phát thanh, truyền hình, thông tấn			29.950	20.000	3.730	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>			29.950	20.000	3.730	
1	Đầu tư hệ thống máy quay phim, thiết bị điều khiển xử lý tín hiệu chuẩn 4K/UHDTV, hệ thống âm thanh ánh sáng chuyên nghiệp tại Trường quay lớn	Đài Phát thanh và Truyền hình Nghệ An	2756/QĐ-UBND ngày 4/8/2021; 4069/QĐ-UBND ngày 30/10/2021	29.950	20.000	3.730	
VIII	Thể dục, thể thao			49.696	33.500	15.500	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>			49.696	33.500	15.500	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch năm 2024	Ghi chú	
			Nghị quyết (Quyết định) (điều chỉnh) chủ trương đầu tư/Quyết định dự án	TMĐT/Tổng dự toán			
				Tổng số			Trong đó: ngân sách tỉnh
1	Xây dựng khu trung tâm thể dục thể thao huyện Nghi Lộc tại thị trấn Quán Hành, huyện Nghi Lộc	UBND huyện Nghi Lộc	2998/QĐ-UBND ngày 4/9/2020; 2345/QĐ-UBND ngày 4/8/2023; 3013/QĐ-UBND ngày 21/9/2023	38.500	23.500	13.000	
2	Xây dựng mới nhà tập luyện đa năng tại Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục Thể thao	Sở Văn hóa và Thể thao	2843/QĐ-UBND ngày 9/8/2021; 4724/QĐ-UBND ngày 6/12/2021; 2190/QĐ-UBND ngày 24/7/2023	11.196	10.000	2.500	
IX	Các hoạt động kinh tế			15.595.616	7.584.173	1.347.477	
IX.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản			1.499.813	1.010.645	230.317	
a	Dự án chuyển tiếp			1.414.813	925.645	213.317	
1	Dự án xây dựng mẫu các khu định cư làng chài trên sông Lam huyện Thanh Chương	Chi cục Phát triển nông thôn	6379 ngày 02/12/2009; 801/QĐ-UBND ngày 02/3/2016	86.067	14.067	3.000	
2	Dự án hiện đại hóa lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Nghệ An	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1545/QĐ-UBND 09/5/2019	308.268	83.224	4.000	Đối ứng ODA
3	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Kê Ninh, xã Châu Hạnh, huyện Quỳnh Châu	UBND huyện Quỳnh Châu	5719 ngày 28/10/2014	139.878	40.000	3.000	
4	Xây dựng hồ chứa nước Bùng Bùng, xã Khánh Sơn và cải tạo, nâng cấp kênh tiêu Thiên Nhãn (đoạn từ xã Khánh Sơn đến xã Nam Kim), huyện Nam Đàn	UBND huyện Nam Đàn	36/NQ-HĐND 13/8/2021; 4602/QĐ-UBND 30/11/2021	55.000	50.000	21.800	
5	Cải tạo, nâng cấp hồ chứa nước Đập Mây, xã Lý Thành và hồ chứa nước Côn Côn, xã Bảo Thành, huyện Yên Thành	UBND huyện Yên Thành	2716/QĐ-UBND ngày 02/8/2021; 4603/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	38.000	34.000	6.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch năm 2024	Ghi chú	
			Nghị quyết (Quyết định) (điều chỉnh) chủ trương đầu tư/Quyết định dự án	TMĐT/Tổng dự toán			
				Tổng số			Trong đó: ngân sách tỉnh
6	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tiêu thoát nước cho các xã Đông Sơn, Trảng Sơn, Lưu Sơn, Đà Sơn, Yên Sơn, Lạc Sơn và thị trấn Đô Lương, huyện Đô Lương	UBND huyện Đô Lương	36/NQ-HĐND ngày 13/8/2021; 2444/QĐ-UBND ngày 17/8/2022	65.000	33.000	10.000	
7	Cải tạo, nâng cấp các hồ chứa nước Đức Trung, xã Nghĩa Đức; C3 Tân Thọ, xã Nghĩa Thọ và kênh tưới, tiêu xã Nghĩa Khánh, huyện Nghĩa Đàn	UBND huyện Nghĩa Đàn	2764/QĐ-UBND ngày 04/8/2021; 1449/QĐ-UBND ngày 27/5/2022	36.500	33.000	5.000	
8	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm và hệ thống kênh tưới xã Hưng Lĩnh, huyện Hưng Nguyên	UBND huyện Hưng Nguyên	36/NQ-HĐND 13/8/2021; 38/NQ-HĐND 25/8/2022; 4018/QĐ-UBND 16/12/2022	58.000	52.000	10.000	
9	Xây dựng CSHT khu tái định cư tại bản Cò Mỹ để di dời khẩn cấp người dân vùng sạt lở bản Xốp Phe, xã Mường Típ, huyện Kỳ Sơn	UBND huyện Kỳ Sơn	2758/QĐ-UBND ngày 04/8/2021; 4255/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	39.900	38.000	6.000	
10	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh tiêu chính xã Diễn Thịnh, Diễn Trung, Diễn An và các tuyến kênh tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, các khu dân cư xóm 5, 6 và 7 xã Diễn Nguyên, huyện Diễn Châu	UBND huyện Diễn Châu	2755/QĐ-UBND ngày 04/8/2021; 1258/QĐ-UBND ngày 10/5/2022	49.800	48.000	20.000	
11	Cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi thuộc Công ty TNHH một thành viên thủy lợi Tây Bắc	Công ty TNHH một thành viên thủy lợi Tây Bắc Nghệ An	36/NQ-HĐND ngày 13/8/2021; 54/NQ-HĐND ngày 12/10/2022 4721/QĐ-UBND ngày 06/12/2021; 3743/QĐ-UBND ngày 25/11/2022	56.000	54.100	33.100	
12	Cải tạo, nâng cấp hồ chứa nước Khe Xiêm và trạm bơm Thanh Phong, tuyến đê bao sông Khe Cái thuộc Công Ty TNHH MTV thủy lợi Nam	Công ty TNHH MTV thủy lợi Nam Nghệ An	2783/QĐ-UBND 05/8/2021 (CTĐT); 4026/QĐ-UBND 29/10/2021	49.500	46.000	9.500	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch năm 2024	Ghi chú	
			Nghị quyết (Quyết định) (điều chỉnh) chủ trương đầu tư/Quyết định dự án	TMĐT/Tổng dự toán			
				Tổng số			Trong đó: ngân sách tỉnh
13	Cải tạo, nâng cấp kênh chính hồ chứa nước Quỳnh Tam, huyện Quỳnh Lưu	Công ty TNHH MTV thủy lợi Bắc Nghệ An	3541/QĐ-UBND ngày 29/9/2021; 4320/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	21.000	19.000	12.500	
14	Cải tạo, nâng cấp hồ chứa nước Đồi Tương	Công ty TNHH MTV thủy lợi Bắc Nghệ An	3539/QĐ-UBND ngày 29/9/2021; 4316/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	30.000	19.000	2.000	
15	Cải tạo, nâng cấp công trình đầu mối, kênh và công trình trên kênh các trạm bơm dọc sông Lam qua các huyện Anh Sơn, Đô Lương, Thanh Chương	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2839/QĐ-UBND 09/8/2021; 4528/QĐ-UBND 25/11/2021	40.000	40.000	11.300	
16	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh và công trình trên kênh cho các hồ chứa đã được Ngân hàng thế giới (WB) tài trợ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2819/QĐ-UBND ngày 06/8/2021; 4771/QĐ-UBND ngày 08/12/2021	40.000	40.000	3.000	
17	Cải tạo, nâng cấp các tuyến kênh tưới chính hồ chứa nước Vực Mầu	Công ty TNHH MTV thủy lợi Bắc Nghệ An	36/NQ-HĐND ngày 13/8/2021; 3656/QĐ-UBND ngày 22/11/2022	72.000	65.000	8.697	
18	Cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi thuộc Công ty TNHH thủy lợi Tân Kỳ	Công ty TNHH thủy lợi Tân Kỳ	2715/QĐ-UBND ngày 02/8/2021; 4359/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	49.500	47.000	7.000	
19	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Chợ Cầu, trạm bơm Thọ Sơn thuộc hệ thống Thủy Lợi Nam	Công ty TNHH MTV thủy lợi Nam Nghệ An	36/NQ-HĐND 13/8/2021; 5055a/QĐ-UBND 24/12/2021	63.000	60.000	13.836	
20	Xây dựng hồ chứa nước Khe Rắt, xã Hùng Sơn, huyện Anh Sơn	UBND huyện Anh Sơn	36/NQ-HĐND ngày 13/8/2021; 6348/QĐ-UBND ngày 19/8/2022; 3657/QĐ-UBND ngày 22/11/2022	53.000	53.000	6.900	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch năm 2024	Ghi chú	
			Nghị quyết (Quyết định) (điều chỉnh) chủ trương đầu tư/Quyết định dự án	TMĐT/Tổng dự toán			
				Tổng số			Trong đó: ngân sách tỉnh
21	Cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi thuộc Công ty TNHH thủy lợi Phú Quý	Công ty TNHH thủy lợi Phú Quý	2784/QĐ-UBND ngày 05/8/2021; 4539/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	49.500	45.000	10.000	
22	Cải tạo, nâng cấp đập Bù Chải, xã Tiên Kỳ, huyện Tân Kỳ	UBND huyện Tân Kỳ	2901/QĐ-UBND ngày 11/8/2021; 3370/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	14.900	12.254	6.684	
b	Dự án khởi công mới			85.000	85.000	17.000	
1	Xây dựng Hệ thống Trạm bơm Sơn Thành - Nghi Văn, xã Sơn Thành, huyện Yên Thành và xã Nghi Văn, huyện Nghi Lộc	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	NQ số 23/NQ-HĐND ngày 07/7/2023	85.000	85.000	17.000	
IX.2	Giao thông			12.021.389	6.002.296	1.001.616	
a	Dự án chuyển tiếp			10.524.939	5.042.296	809.797	
1	Hạ tầng cơ bản cho tăng trưởng toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Hợp phần Tỉnh Nghệ An)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2094/QĐ-UBND ngày 2/5/2018	1.198.630	162.847	30.000	Đối ứng ODA
2	Đường ven biển từ Nghi Sơn (Thanh Hóa) - Cửa Lò (Nghệ An) - đoạn từ Km7 - Km76	Sở Giao thông vận tải	10/NQ-HĐND ngày 15/4/2021; 2925/QĐ-UBND ngày 13/8/2021	4.651.000	1.451.000	164.000	
3	Đường giao thông nối từ Quốc lộ 7C (Đô Lương) đến đường Hồ Chí Minh (Tân Kỳ)	Sở Giao thông vận tải	18/NQ-HĐND 13/5/2021; 4687/QĐ-UBND 02/12/2021	684.431	312.361	45.000	
4	Đường giao thông nối Vinh - Cửa Lò (giai đoạn 2)	Sở Giao thông vận tải	18/NQ-HĐND ngày 13/5/2021; 50/NQ-HĐND ngày 18/10/2021; 4686/QĐ-UBND ngày 02/12/2021	1.415.242	1.265.242	76.653	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch năm 2024	Ghi chú	
			Nghị quyết (Quyết định) (điều chỉnh) chủ trương đầu tư/Quyết định dự án	TMĐT/Tổng dự toán			
				Tổng số			Trong đó: ngân sách tỉnh
5	Đường giao thông từ Quốc lộ 46 đến bến 5, bến 6 cảng Cửa Lò	UBND thị xã Cửa Lò	36/NQ-HĐND ngày 13/8/2021; 4036/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	205.000	170.000	50.675	
6	Cầu Đò Cung bắc qua Sông Lam, huyện Thanh Chương	UBND huyện Thanh Chương	36/NQ-HĐND ngày 13/8/2021; 4654/QĐ-UBND ngày 01/12/2021; 27/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 3405/QĐ-UBND ngày 02/11/2022	178.800	178.800	30.000	
7	Cầu Quỳnh Nghĩa tại Km6+00 trên tuyến đường tỉnh 537B, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	UBND huyện Quỳnh Lưu	36/NQ-HĐND ngày 13/8/2021; 4651/QĐ-UBND ngày 01/12/2021; 27/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 2383/QĐ-UBND ngày 13/8/2022	205.000	185.000	60.000	
8	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường ĐT.534C đi cửa khẩu Vèo (đoạn từ Km20+00 đến Km37+22), huyện Anh Sơn	UBND huyện Anh Sơn	36/NQ-HĐND 13/8/2021; 4680/QĐ-UBND 02/12/2021	142.082	124.000	30.000	
9	Đường giao thông nối QL48E đi xã Quỳnh Liên và đoạn Quỳnh Trang - Quỳnh Tân	UBND thị xã Hoàng Mai	36/NQ-HĐND ngày 13/8/2021; 4540/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	67.000	60.000	10.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch năm 2024	Ghi chú	
			Nghị quyết (Quyết định) (điều chỉnh) chủ trương đầu tư/Quyết định dự án	TMĐT/Tổng dự toán			
				Tổng số			Trong đó: ngân sách tỉnh
10	Nâng cấp tuyến đường vào vùng nguyên liệu của dự án chăn nuôi bò sữa TH huyện Nghĩa Đàn	UBND huyện Nghĩa Đàn	36/NQ-HĐND 13/8/2021; 4575/QĐ-UBND 29/11/2021	95.000	80.000	15.000	
11	Nâng cấp đường giao thông vùng nguyên liệu cho dự án chế biến gỗ tại huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An	UBND huyện Yên Thành	36/NQ-HĐND 13/8/2021 (CTĐT) 3247/QĐ-UBND 20/10/2022	110.000	85.000	23.000	
12	Đường giao thông nối QL 46 đi xã Ngọc Sơn với xã Nam Hưng, huyện Nam Đàn và QL15	UBND huyện Thanh Chương	36/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 (CTĐT); 4038/QĐ-UBND ngày 29/10/2021; 27/NQ- HĐND ngày 14/7/2022; 2363/QĐ-UBND ngày 11/8/2022	113.000	100.000	35.000	
13	Cầu Khe Dền và đường 2 đầu cầu phường Quang Phong, thị xã Thái Hòa	UBND thị xã Thái Hòa	2956/QĐ-UBND 13/8/2021 784/QĐ-UBND 28/3/2022	28.500	23.000	10.000	
14	Đường giao thông từ QL 48D đến đường ngang N8 (trước công trường trung cấp nghề Miền Tây)	UBND thị xã Thái Hòa	3196/QĐ-UBND ngày 31/8/2021; 4422/QĐ-UBND ngày 18/11/2021	33.226	14.700	1.950	
15	Xây dựng các cầu trọng yếu và các tuyến đường hai đầu cầu trên địa bàn huyện Quế Phong (Cầu Na Phày - Đón Chám, xã Mường Nọc; Cầu vượt lũ bản Cắm, xã Cắm Muộn; Cầu Long Thắng và đường vào khu tái định cư (các điểm dân cư bản Xăng - bản Quạ), xã Hạnh Dịch)	UBND huyện Quế Phong	3297/QĐ-UBND ngày 09/9/2021; 4041/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	43.500	39.446	12.230	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch năm 2024	Ghi chú	
			Nghị quyết (Quyết định) (điều chỉnh) chủ trương đầu tư/Quyết định dự án	TMĐT/Tổng dự toán			
				Tổng số			Trong đó: ngân sách tỉnh
16	Đường giao thông nông thôn xã Tiên Phong (Tuyến đường từ bản Na Chạng đi bản Na Sành), huyện Quế Phong	UBND huyện Quế Phong	3217/QĐ-UBND ngày 01/9/2021; 5333/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	11.500	11.000	7.000	
17	Cầu Châu Thắng, huyện Quỳnh Châu	UBND huyện Quỳnh Châu	2955/QĐ-UBND 13/8/2021; 4563/QĐ-UBND 26/11/2021	44.500	44.500	14.675	
18	Đường giao thông liên xã Nghĩa Đức đi Nghĩa Hiếu, Nghĩa Hưng, huyện Nghĩa Đàn	UBND huyện Nghĩa Đàn	36/NQ-HĐND ngày 13/8/2021; 4609/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	50.000	40.000	10.000	
19	Đường giao thông liên xã Châu Đình - Bản Khúa xã Châu Lý, huyện Quỳnh Hợp	UBND huyện Quỳnh Hợp.	3493/QĐ-UBND ngày 27/9/2021; 619/QĐ-UBND ngày 11/3/2022; 457/QĐ-UBND ngày 24/02/2023	36.334	30.000	10.000	
20	Đường giao thông từ xã Cam Lâm đi xã Đôn Phục, huyện Con Cuông (giai đoạn 1)	UBND huyện Con Cuông	3300/QĐ-UBND ngày 09/9/2021; 4066/QĐ-UBND ngày 30/10/2021	30.000	30.000	4.784	
21	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông: Tuyến liên xã Diễn Yên, Diễn Hoàng, Diễn Hùng; Tuyến Quốc lộ 1- Diễn Phong, huyện Diễn Châu	UBND huyện Diễn Châu	36/NQ-HĐND ngày 13/8/2021; 4588/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	80.000	70.000	20.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch năm 2024	Ghi chú	
			Nghị quyết (Quyết định) (điều chỉnh) chủ trương đầu tư/Quyết định dự án	TMĐT/Tổng dự toán			
				Tổng số			Trong đó: ngân sách tỉnh
22	Đường giao thông liên vùng Lãng Thành- Phú Thành, huyện Yên Thành nối Đường tỉnh 538	UBND huyện Yên Thành	2957/QĐ-UBND ngày 13/8/2021 5334/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	30.000	25.000	10.000	
23	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông Trảng - Minh nối QL.15A từ đèo Quả Sơn đến QL.7A tại vị trí đèo Đức Hoàng, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An	UBND huyện Đô Lương	36/NQ-HĐND 13/8/2021; 4681/QĐ-UBND 02/12/2021; 27/NQ-HĐND 14/7/2022; 2580/QĐ-UBND 26/8/2022	120.000	75.000	10.000	
24	Xây dựng các tuyến đường giao thông trên địa bàn huyện Thanh Chương (tuyến đường nối từ đường mòn Hồ Chí Minh đi vào vùng nguyên liệu trồng chè, cam thuộc xóm Thành Công - xí nghiệp chè Hạnh Lâm xã Thanh Đức; Tuyến nối QL46C đi xóm Tân Hợp, xã Thanh Tiên)	UBND huyện Thanh Chương	3073/QĐ-UBND ngày 20/8/2021; 4339/QĐ-UBND ngày 15/11/2021; 4666/QĐ-UBND ngày 02/12/2021; 3130 ngày 12/10/2022	49.900	35.000	15.000	
25	Tuyến đường nối huyện Nghi Lộc với thị xã Cửa Lò (đoạn từ QL46 qua đường Chợ Sơn - Phúc Thọ đến đường ven biển từ Nghi Sơn (Thanh Hóa) - Cửa Lò (Nghệ An))	UBND huyện Nghi Lộc	36/NQ-HĐND ngày 13/8/2021; 4532/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	90.000	80.000	17.850	
26	Nâng cấp mở rộng một số tuyến đường trên địa bàn huyện Nam Đàn (Tuyến huyện ĐH08 tuyến Cồn Bụt - Nam Lĩnh đoạn QL46C đến đường Vành đai phía Bắc; tuyến từ ngã tư Cầu Đòn đến Đê 42 thị trấn Nam Đàn)	UBND huyện Nam Đàn	36/NQ-HĐND ngày 13/8/2021; 2850/QĐ-UBND ngày 21/9/2022	80.230	26.000	9.948	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch năm 2024	Ghi chú	
			Nghị quyết (Quyết định) (điều chỉnh) chủ trương đầu tư/Quyết định dự án	TMĐT/Tổng dự toán			
				Tổng số			Trong đó: ngân sách tỉnh
27	Đường giao thông nối QL 46A với đường 542C qua xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên	UBND huyện Hưng Nguyên	3371/QĐ-UBND 16/9/2021; 4341/QĐ-UBND 15/11/2021	35.500	20.000	3.000	
28	Tuyến đường giao thông liên xã Diễn Lộc, Diễn An, Diễn Phú	UBND huyện Diễn Châu	36/NQ-HĐND ngày 13/8/2021; 4690/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	60.000	50.000	25.000	
29	Cải tạo, sửa chữa ĐT.539C đoạn Km7 - Km16+500	Sở Giao thông vận tải	2954/QĐ-UBND 13/8/2021; 4508/QĐ-UBND 25/11/2021	35.000	35.000	2.200	
30	Đường giao thông liên xã từ xã Tây Sơn đến xã Na Ngòi, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An	UBND huyện Kỳ Sơn	36/NQ-HĐND ngày 13/8/2021; 4589/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	250.000	72.000	12.050	
31	Đường giao thông từ QL7A đến khu dân cư cao tầng, trung tâm đô thị Con Cuông	UBND huyện Con Cuông	5586 ngày 29/10/2009	36.110	16.000	6.782	
32	Đường cứu hộ, cứu nạn trong vùng mưa lũ hạ du sông Cả (giai đoạn 1), tỉnh Nghệ An	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4094/QĐ.UBND-CN ngày 04/10/2011; 968/QĐ.UBND-CN ngày 29/3/2012	96.630	51.400	8.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch năm 2024	Ghi chú	
			Nghị quyết (Quyết định) (điều chỉnh) chủ trương đầu tư/Quyết định dự án	TMĐT/Tổng dự toán			
				Tổng số			Trong đó: ngân sách tỉnh
33	Cải tạo, nâng cấp đường nối từ ĐT.534B tại xã Tân An, huyện Tân Kỳ với ĐT.543D tại xã Phú Sơn, huyện Tân Kỳ đi đường Hồ Chí Minh và đi cây Chanh, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An	UBND huyện Tân Kỳ	18/NQ-HĐND ngày 13/5/2021; 27/NQ-HĐND ngày 14/7/2022; 24/NQ-HĐND ngày 07/7/2023; 4067/QĐ-UBND ngày 30/10/2021; 2690/QĐ-UBND ngày 07/9/2022; 3453/QĐ-UBND ngày 24/10/2023;	148.823	15.000	15.000	
34	Đường giao thông liên huyện từ Bàn Choạng - Bàn Bồn, xã Châu Lý, huyện Quỳnh Hợp đến xã Tân Hợp, huyện Tân Kỳ	UBND huyện Quỳnh Hợp	36/NQ-HĐND ngày 13/8/2021; 4653/QĐ-UBND ngày 01/12/2021; 27/NQ-HĐND ngày 14/7/2022; 2692/QĐ-UBND ngày 07/9/2022	70.000	65.000	15.000	
b	Dự án khởi công mới			1.496.450	960.000	191.819	
1	Xây dựng tuyến đường tránh thị trấn Nam Đàn, tỉnh Nghệ An	Sở Giao thông vận tải	36/NQ-HĐND ngày 13/8/2021; 163/QĐ-UBND ngày 18/01/2023	285.000	285.000	40.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch năm 2024	Ghi chú	
			Nghị quyết (Quyết định) (điều chỉnh) chủ trương đầu tư/Quyết định dự án	TMĐT/Tổng dự toán			
				Tổng số			Trong đó: ngân sách tỉnh
2	Tuyến đường tránh QL48 đoạn qua trung tâm đô thị Thái Hòa	UBND thị xã Thái Hòa	36/NQ-HĐND 13/8/2021 (CTĐT); 24/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 (điều chỉnh CTĐT); 2865/QĐ-UBND 13/9/2023	380.000	150.000	40.000	
3	Tuyến đường du lịch ven lòng hồ chứa nước bản Mông, huyện Quỳnh Châu	UBND huyện Quỳnh Châu	36/NQ-HĐND ngày 13/8/2021; 06/NQ-HĐND ngày 28/02/2023; 2775/QĐ-UBND ngày 07/9/2023	80.000	65.000	15.000	
4	Xây dựng, nâng cấp, cải tạo các tuyến đường giao thông trên địa bàn huyện Tương Dương (Đường nội thị thị trấn Thạch Giám; Cầu Văng Ông thuộc tuyến xã Yên Thắng đi xã Xiêng My; Đường Huồi Sơn - Phà Lôm, xã Tam Hợp)	UBND huyện Tương Dương	36/NQ-HĐND ngày 13/8/2023; 56/NQ-HĐND ngày 27/10/2023	60.000	60.000	18.150	
5	Xây dựng các tuyến đường trên địa bàn huyện Quỳnh Lưu (đường du lịch biển Quỳnh Nghĩa và đường vào khu Quảng trường và công viên trung tâm huyện)	UBND huyện Quỳnh Lưu	36/NQ-HĐND ngày 13/8/2021; 24/NQ-HĐND ngày 07/7/2023	70.000	50.000	10.990	
6	Cải tạo, nâng cấp hệ thống giao thông và các công trình trên tuyến trên địa bàn huyện Tân Kỳ (Tuyến Lạt - Làng Rào, Hương Sơn - Phú Sơn, Đồng Lau - Thung Mòn)	UBND huyện Tân Kỳ	36/NQ-HĐND 13/8/2021 (CTĐT); 47/NQ- HĐND 11/9/2023	108.500	80.000	15.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch năm 2024	Ghi chú	
			Nghị quyết (Quyết định) (điều chỉnh) chủ trương đầu tư/Quyết định dự án	TMĐT/Tổng dự toán			
				Tổng số			Trong đó: ngân sách tỉnh
7	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ quốc lộ 7B - Khu di tích lịch sử quốc gia Phan Đăng Lưu, xã Hoa Thành qua Quốc lộ 48E đến trọng đài đồng chí Phan Đăng Lưu tại Thị trấn Yên Thành, huyện Yên Thành	UBND huyện Yên Thành	36/NQ-HĐND ngày 13/8/2021; 119/QĐ-UBND ngày 17/01/2022	55.000	50.000	10.000	
8	Đường giao thông nối QL46 đến Khu di tích Kim Liên và đền Nhận Tháp, xã Hồng Long, huyện Nam Đàn	UBND huyện Nam Đàn	23/NQ-HĐND ngày 07/07/2023	230.000	100.000	500	
9	Nâng cấp đường tỉnh 542E đoạn từ thi trấn Hưng Nguyên (điểm giao cắt với Quốc lộ 46) đến xã Hưng Tây (điểm giao cắt với đường 72m Vinh - Hưng Nguyên) (giai đoạn 1)	UBND huyện Hưng Nguyên	46/NQ-HĐND ngày 11/9/2023;	58.000	40.000	12.179	
10	Cải tạo, mở rộng tuyến đường Chợ Sơn - Phúc Thọ (đoạn từ đường Nguyễn Sinh Cung đi đại lộ Vinh - Cửa Lò), huyện Nghi Lộc	UBND huyện Nghi Lộc	2178/QĐ-UBND ngày 21/7/2023	49.950	30.000	12.000	
11	Đường giao thông từ ĐH.238 đi QL.48E, đoạn qua xã Quang Thành, huyện Yên Thành	UBND huyện Yên Thành	2711/QĐ-UBND ngày 30/8/2023	40.000	20.000	8.000	
12	Cầu Mô Vĩnh bắc qua sông Rộ, huyện Thanh Chương	UBND huyện Thanh Chương	NQ 46/NQ-HĐND ngày 11/9/2023;	80.000	30.000	10.000	
IX.3	Khu công nghiệp và khu kinh tế			64.926	41.111	7.908	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>			64.926	41.111	7.908	
1	Tuyến đường D3, N3 vào cụm công nghiệp Hưng Đông, thành phố Vinh.	UBND thành phố Vinh	3030 ngày 17/7/2013	64.926	41.111	7.908	
IX.4	Cấp nước, thoát nước			681.374	197.557	45.200	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>			681.374	197.557	45.200	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch năm 2024	Ghi chú	
			Nghị quyết (Quyết định) (điều chỉnh) chủ trương đầu tư/Quyết định dự án	TMĐT/Tổng dự toán			
				Tổng số			Trong đó: ngân sách tỉnh
1	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị xã Cửa Lò - giai đoạn II	UBND thị xã Cửa Lò	6777 ngày 21/12/09; 674/QĐ-TTg ngày 03/6/2022; 3147/QĐ-UBND ngày 12/10/2022	561.505	97.557	17.700	Đối ứng ODA
2	Xây dựng tuyến mương tiêu thoát nước dọc đường V.I.Lê Nin, Trường Thi, thành phố Vinh	UBND thành phố Vinh	36/NQ-HĐND ngày 13/8/2021; 4614/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	119.869	100.000	27.500	
IX.5 Du lịch				403.947	151.638	46.753	
<i>Dự án chuyển tiếp</i>				403.947	151.638	46.753	
1	Dự án "Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng Mê Công mở rộng - giai đoạn 2", tiểu dự án tỉnh Nghệ An	Sở Du lịch	4776/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	278.947	36.638	13.753	Đối ứng ODA
2	Xây dựng tuyến đường giao thông phát triển du lịch thị xã Hoàng Mai (tuyến nối từ Quốc lộ 48D đi Trung tâm xã Quỳnh Trang - hồ Vực Mầu; Tuyến nối Quốc lộ 1A đi khu di tích lịch sử Quốc gia hang Hòa Tiễn)	UBND thị xã Hoàng Mai	36/NQ-HĐND ngày 13/8/2021; 4793/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	125.000	115.000	33.000	
IX.6 Công nghệ thông tin				22.000	22.000	5.000	
<i>Dự án khởi công mới</i>				22.000	22.000	5.000	
1	Hiện đại hóa hệ thống thông tin cơ sở dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông trên địa bàn tỉnh Nghệ An	Sở Thông tin và Truyền thông	2708/QĐ-UBND ngày 30/08/2023	22.000	22.000	5.000	
IX.7 Quy hoạch				75.218	75.218	8.683	
<i>a Dự án hoàn thành</i>				72.235	72.235	6.000	
1	Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Kế hoạch và Đầu tư	1179/QĐ-TTg ngày 04/8/2020	72.235	72.235	6.000	
<i>b Vốn chuẩn bị đầu tư và quy hoạch khác</i>				2.983	2.983	2.683	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch năm 2024	Ghi chú	
			Nghị quyết (Quyết định) (điều chỉnh) chủ trương đầu tư/Quyết định dự án	TMĐT/Tổng dự toán			
				Tổng số			Trong đó: ngân sách tỉnh
1	Khảo sát địa hình, lập quy hoạch chung xây dựng Khu Lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao vùng Bắc Trung Bộ đến năm 2045	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	909/QĐ-TTg ngày 02/8/2023; 2749/QĐ-UBND ngày 05/9/2023	2.983	2.983	2.683	
IX.8	Công trình công cộng tại các đô thị			826.949	83.708	2.000	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>			<i>826.949</i>	<i>83.708</i>	<i>2.000</i>	
1	Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Hoàng Mai thuộc dự án "Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu 04 tỉnh ven biển Bắc Trung Bộ"	UBND thị xã Hoàng Mai	3097 ngày 15/9/2020	826.949	83.708	2.000	Đối ứng ODA.
X	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị xã hội: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án phục vụ mục tiêu xây dựng, cải tạo, nâng cấp trụ sở, nhà công vụ, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan thuộc hệ thống chính trị, nhà nước; dự án mua mới, xây dựng và cải tạo trụ sở làm việc, cải tạo, nâng cấp nhà ở, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài			368.767	233.633	64.350	
a	<i>Dự án chuyển tiếp</i>			<i>258.767</i>	<i>193.633</i>	<i>54.550</i>	
1	Xây dựng Trụ sở Đảng ủy khối doanh nghiệp tỉnh Nghệ An	Đảng ủy khối doanh nghiệp tỉnh Nghệ An	2737/QĐ-UBND ngày 03/8/2021; 4604/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	24.773	24.773	1.700	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch năm 2024	Ghi chú	
			Nghị quyết (Quyết định) (điều chỉnh) chủ trương đầu tư/Quyết định dự án	TMĐT/Tổng dự toán			
				Tổng số			Trong đó: ngân sách tỉnh
2	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND xã Yên Thắng, xã Xiêng My, xã Tam Hợp, xã Hữu Khuông, xã Nhôn Mai và xã Mai Sơn, huyện Tương Dương	UBND huyện Tương Dương	36/NQ-HĐND ngày 13/8/2021; 4504/QĐ-UBND ngày 24/11/2021; 55/NQ-HĐND ngày 12/10/2022	45.500	33.360	10.000	
3	Trụ sở làm việc cơ quan khối dân huyện Tương Dương	UBND huyện Tương Dương	2620/QĐ-UBND ngày 06/8/2021	10.000	10.000	3.850	
4	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND xã Na Loi, xã Na Ngoi, xã Keng Đu, xã Chiêu Lưu, xã Mường Típ, xã Mường Ải, xã Mường Lống, huyện Kỳ Sơn	UBND huyện Kỳ Sơn	36/NQ-HĐND ngày 13/8/2021; 230/QĐ-UBND ngày 24/01/2022	44.000	44.000	15.000	
5	Nâng cấp Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND và các đoàn thể xã Đồng Văn, huyện Quế Phong	UBND huyện Quế Phong	2871/QĐ-UBND ngày 10/8/2021; 4062/QĐ-UBND ngày 30/10/2021	5.994	5.500	500	
6	Xây dựng Trụ sở làm việc HĐND - UBND huyện Anh Sơn	UBND huyện Anh Sơn	36/NQ-HĐND ngày 13/8/2021; 4197/QĐ-UBND ngày 8/11/2021; 24/NQ-HĐND ngày 07/7/2023;	75.000	25.000	12.500	
7	Nhà làm việc, các công trình phụ trợ huyện ủy Kỳ Sơn và nhà các cơ quan trực thuộc Huyện ủy	Huyện ủy Kỳ Sơn	36/NQ-HĐND 13/8/2021; 4281/QĐ-UBND 11/11/2021	47.000	47.000	10.000	
8	Nhà làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND và các đoàn thể xã Tiên Kỳ, huyện Tân Kỳ	UBND huyện Tân Kỳ	2823/QĐ-UBND ngày 06/8/2021 6074/QĐ-UBND ngày 28/10/2021	6.500	4.000	1.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch năm 2024	Ghi chú	
			Nghị quyết (Quyết định) (điều chỉnh) chủ trương đầu tư/Quyết định dự án	TMĐT/Tổng dự toán			
				Tổng số			Trong đó: ngân sách tỉnh
b	Dự án khởi công mới			110.000	40.000	9.800	
1	Xây dựng khu hành chính (Huyện ủy, HĐND - UBND và các đoàn thể) huyện Con Cuông.	UBND huyện Con Cuông	46/NQ-HĐND ngày 11/9/2023	110.000	40.000	9.800	
XI	Xã hội			94.000	28.000	7.900	
a	Dự án chuyển tiếp			80.000	15.000	5.000	
1	Mở rộng nghĩa trang liệt sỹ Việt Lào (phần mở rộng khu A)	Sở Lao động, thương binh và xã hội	36/NQ-HĐND ngày 13/8/2021; 4063/QĐ-UBND ngày 30/10/2021	80.000	15.000	5.000	
b	Dự án khởi công mới			14.000	13.000	2.900	
1	Mua sắm trang thiết bị , xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải phục vụ công tác trị liệu, cai nghiện ma túy Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện Phúc Sơn	Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện Phúc Sơn	3247/QĐ-UBND ngày 06/9/2021; 3488/QĐ-UBND ngày 26/10/2023	14.000	13.000	2.900	

Biểu 4 : DANH MỤC DỰ ÁN CHO PHÉP KÉO DÀI THỜI GIAN BỔ TRÍ VỐN*(Biểu kèm theo Nghị quyết số: 62 /NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)**Đơn vị: Triệu đồng*

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án/QĐ phê duyệt quyết toán		Kế hoạch năm 2024	Ghi chú	
			Nghị quyết (Quyết định) (điều chỉnh) chủ trương đầu tư/Quyết định dự án	TMĐT			
				Tổng số			Trong đó: NS tỉnh
I	Dự án năm 2023 đã bổ trí đủ vốn nhưng trong năm đã điều chỉnh giảm kế hoạch hoặc dự án quá thời gian quy định mới được bổ sung vào kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 cho phép kéo dài thời gian bổ trí vốn sang năm 2024			250.388	71.475	10.000	
1	Đường giao thông từ QL7A đến khu dân cư cao tầng, trung tâm đô thị Con Cuông	UBND huyện Con Cuông	5586 ngày 29/10/2009	36.110	16.000	6.782	
2	Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải, rác thải các bệnh viện tỉnh Nghệ An sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Đức	Sở Y tế	6331 ngày 30/12/2015; 5367 ngày 25/12/2019; 1533/QĐ-TTg ngày 15/9/2021	52.881	8.885	1.000	
3	Dự án tăng cường hệ thống y tế tuyến tỉnh, tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021 - 2023	Sở Y tế	4896 ngày 30/12/2020	100.877	11.190	1.000	
4	Đường cứu hộ, cứu nạn trong vùng mưa lũ hạ du sông Cả (giai đoạn 1), tỉnh Nghệ An	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4094/QĐ.UBND-CN ngày 04/10/2011; 968/QĐ.UBND-CN ngày 29/3/2012	96.630	51.400	8.000	
II	Dự án chuyển tiếp đến nay đã quá thời gian bổ trí vốn theo quy định, dự án chuyển tiếp phải hoàn thành năm 2024 theo thời gian bổ trí vốn nhưng vướng mắc nên chưa bổ trí hoặc bổ trí chưa đủ vốn để kết thúc trong năm 2024 cho phép kéo dài thời gian bổ trí vốn sang năm 2025			2.894.352	714.842	68.700	
1	Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải, rác thải các bệnh viện tỉnh Nghệ An sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Đức	Sở Y tế	6331 ngày 30/12/2015; 5367 ngày 25/12/2019; 1533/QĐ-TTg ngày 15/9/2021	52.881	8.885	1.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án/QĐ phê duyệt quyết toán			Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
			Nghị quyết (Quyết định) (điều chỉnh) chủ trương đầu tư/Quyết định dự án	TMĐT			
				Tổng số	Trong đó: NS tỉnh		
2	Dự án tăng cường hệ thống y tế tuyến tỉnh, tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021 - 2023	Sở Y tế	4896 ngày 30/12/2020	100.877	11.190	1.000	
3	Đường cứu hộ, cứu nạn trong vùng mưa lũ hạ du sông Cả (giai đoạn 1), tỉnh Nghệ An	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4094/QĐ.UBND-CN ngày 04/10/2011; 968/QĐ.UBND-CN ngày 29/3/2012	96.630	51.400	8.000	
4	Dự án xây dựng mẫu các khu định cư làng chài trên sông Lam huyện Thanh Chương	Chi cục Phát triển nông thôn	6379 ngày 02/12/2009; 801/QĐ-UBND ngày 02/3/2016	86.067	14.067	3.000	
5	Tu bổ, tôn tạo di tích nhà thờ và mộ Hồ Tùng Mậu	UBND huyện Quỳnh Lưu	3954 ngày 04/9/2015	17.524	17.524	1.000	
6	Dự án hiện đại hóa lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Nghệ An	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1545/QĐ-UBND ngày 09/5/2019	308.268	83.224	4.000	
7	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Kè Ninh, xã Châu Hạnh, huyện Quỳnh Châu	UBND huyện Quỳnh Châu	5719 ngày 28/10/2014	139.878	40.000	3.000	
8	Hạ tầng cơ bản cho tăng trưởng toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Hợp phần Tỉnh Nghệ An	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2094/QĐ-UBND ngày 2/5/2018	1.198.630	162.847	30.000	
9	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị xã Cửa Lò - giai đoạn II	UBND thị xã Cửa Lò	6777 ngày 21/12/09; 674/QĐ-TTg ngày 03/6/2022; 3147/QĐ-UBND ngày 12/10/2022	561.505	97.557	17.700	
10	Tuyến đường số 3 Khu đô thị Hoàng Mai (giai đoạn 1)	UBND thị xã Hoàng Mai	3652 ngày 17/8/2018	194.224	54.906		
11	Hạ tầng kỹ thuật khu nghỉ trang núi Cháy tại xã Quỳnh Lập, thị xã Hoàng Mai (giai đoạn 1)	UBND thị xã Hoàng Mai	5169 ngày 30/10/2017	35.000	30.000		
12	Xây dựng Khu tái định cư thuộc Khu công nghiệp Đông Hội (vị trí số 1 và số 2)	UBND thị xã Hoàng Mai	5352 ngày 08/12/2011 và 5812 ngày 10/12/2015	223.292	110.000		
13	Hạ tầng Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng các công trình trọng điểm trên địa bàn thị xã Hoàng Mai (giai đoạn 1)	UBND thị xã Hoàng Mai	5332 ngày 31/10/2016	42.425	31.600		

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án/QĐ phê duyệt quyết toán			Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
			Nghị quyết (Quyết định) (điều chỉnh) chủ trương đầu tư/Quyết định dự án	TMĐT			
				Tổng số	Trong đó: NS tỉnh		
14	Khu tái định cư các hộ dân sống gần Khu liên hợp xử lý chất thải rắn xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc	UBND huyện Nghi Lộc	1179 ngày 13/4/2012	37.539	33.117		
15	Đường giao thông liên xã Nghĩa Đức đi Nghĩa Hiếu, Nghĩa Hưng, huyện Nghĩa Đàn	UBND huyện Nghĩa Đàn	36/NQ-HĐND ngày 13/8/2021; 4609/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	50.000	40.000	10.000	
III	Dự án cho phép kéo dài thời gian bố trí vốn sang giai đoạn 2021 - 2025			506.747	461.517	8.000	
1	Đường cứu hộ, cứu nạn trong vùng mưa lũ hạ du sông Cả (giai đoạn 1), tỉnh Nghệ An	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4094/QĐ.UBND-CN ngày 04/10/2011; 968/QĐ.UBND-CN ngày 29/3/2012	96.630	51.400	8.000	
2	Xây dựng đường giao thông vào trung tâm xã Bắc Lý, huyện Kỳ Sơn	Sở Giao thông vận tải	04/QĐ.UBND-CN ngày 02/01/2007; 899/QĐ-UBND ngày 20/3/2013 794/QĐ-UBND ngày 18/3/2019	76.372	76.372		
3	Đường giao thông vào trung tâm xã Mỹ Lý, huyện Kỳ Sơn	Sở Giao thông vận tải	2645/QĐ-UBND ngày 21/7/2006 898/QĐ-UBND ngày 20/3/2013 846/QĐ-UBND ngày 01/4/2021	83.245	83.245		
4	Khu nhà ở sinh viên Vinh Trung tại phường Trung Đô, thành phố Vinh	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	4755/QĐ.UBND-CNXD ngày 18/9/2009; 3148/QĐ-UBND ngày 20/10/2022	250.500	250.500		